

TÁC ĐỘNG CỦA ĐA DẠNG TÔN GIÁO ĐỐI VỚI BIẾN ĐỔI & TÁI CẤU TRÚC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG Ở TÂY NGUYÊN

Tóm tắt: Sự xuất hiện và phát triển của nhiều tôn giáo lớn trên địa bàn Tây Nguyên trong những năm gần đây đã tạo ra khá nhiều biến đổi, xáo trộn trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của các tộc người tại chỗ. Bài viết này tập trung phân tích những tác động của đa dạng tôn giáo đến dân số, văn hóa bản địa và vai trò của các chức sắc tôn giáo trong việc tái cấu trúc văn hóa truyền thống Tây Nguyên.

Từ khóa: Hội nhập, xung đột, tái cấu trúc, văn hóa truyền thống, Tây Nguyên.

1. Đặt vấn đề

Hội nhập văn hóa là khái niệm không mới ở Việt Nam nhất là trong lĩnh vực nghiên cứu văn hóa, nó thường được đặt ra cùng với các khái niệm khác như *tiếp biến văn hóa*, *giao thoa văn hóa*. Nếu như *tiếp biến văn hóa* chỉ sự chủ động, mức độ chủ động tiếp nhận các yếu tố văn hóa ngoại lai (văn hóa khách thể) và dùng nội lực của văn hóa chủ thể để cải tạo nó theo những khuôn mẫu của mình thì *giao thoa văn hóa* lại hàm ý về một vùng không gian văn hóa mà ở đó có sự hiện diện chùng xếp của nhiều lớp văn hóa. *Giao thoa văn hóa* cũng nói lên tình trạng đan cài và động thái xuất phát từ hai chiều kích cùng có xu hướng, khuynh hướng tìm đến nhau, lấy những thành tố văn hóa của nhau để làm phong phú cho mình. Giao thoa văn hóa thường tạo nên một vùng văn hóa đệm (vùng giao thoa), vùng này mang đủ sắc thái của cả hai nền/dòng văn hóa. Khu vực Miền Trung Việt Nam (thời Trung đại) là một ví dụ vì vừa mang đặc điểm của văn hóa Việt, vừa mang đặc điểm của văn hóa Chăm.

Hội nhập văn hóa hàm ý chỉ sự tụ lại của nhiều thành tố văn hóa khác nhau trong cùng một thực thể văn hóa, trong đó văn hóa gốc có tính chủ

* Tiến sĩ. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

động. Tính chủ động ở đây thuộc về chủ thể sáng tạo và sử dụng văn hóa chứ không phải bản thân các thành tố văn hóa. Ở một phương diện nào đó, hội nhập văn hóa có sự dung nạp, hội tụ nhiều yếu tố trong cùng một tổng thể. Trong hội nhập văn hóa, chủ thể văn hóa dung nạp các thành tố văn hóa mới một cách có định hướng vào trong kho tàng văn hóa của mình. Hiện tượng cải tiến, cải biên, cấu trúc lại một số thể thức, bản sắc để các thành tố văn hóa của mình có thể lan tỏa, thâm nhập sâu vào văn hóa của các chủ thể khác là khá phổ biến trong lịch sử hội nhập văn hóa ở Việt Nam.

Từ cách hiểu này, khi đề cập đến vấn đề hội nhập của các tôn giáo ở Tây Nguyên thì phải cân nhắc đến ba chiều cạnh: *thứ nhất*, sự gia nhập/hiện diện của số lượng các tôn giáo mới (ngoài các tôn giáo bản địa của người Tây Nguyên); *thứ hai*, cư dân Tây Nguyên có chủ động tiếp nhận/chấp nhận những tôn giáo mới đó vào trong kho tàng văn hóa, tư tưởng, tư duy của mình và hành xử với nó như là những thực thể tôn giáo bản địa hay không?; *thứ ba*, sự gia nhập của các tôn giáo này trên mảnh đất Tây Nguyên đã và đang đem lại điều gì cho cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ?

Trên thực tế, vấn đề hội nhập tôn giáo ở Tây Nguyên có đúng như cách hiểu ở đây không hay là mang một màu sắc khác và bắt buộc phải sử dụng một khái niệm với nội hàm khác cũng là vấn đề cần phải làm rõ.

Ngược lại với khái niệm hội nhập là khái niệm *xung đột văn hóa*. *Xung đột văn hóa* được nhắc tới trong những vấn đề cụ thể như quan hệ giữa cái cũ - cái mới (truyền thống và hiện đại) hay sự va chạm “giữa những bản sắc văn hóa khác nhau”¹. Lý giải về bản chất và cơ chế của sự xung đột này Nguyễn Chí Tình cho rằng, sở dĩ có sự xung đột vì “bản sắc văn hóa là những thực thể có sự định hình nhất định, có kết cấu, sức mạnh, có lý do tồn tại và như vậy có những bản lĩnh nhất định”². Xung đột chỉ xảy ra khi các bản sắc khác nhau khi tiếp xúc chưa kịp làm quen với nhau, không thể chấp nhận nhau thậm chí tìm cách triệt tiêu nhau và đẩy nhau ra xa bằng một lực đẩy nội tại”.

Ở một dạng khác, xung đột văn hóa diễn ra khi một bản sắc văn hóa tiếp nhận một vài yếu tố văn hóa không hề có bản sắc, và khi đó các yếu tố văn hóa đó mang tính chính trị, kinh tế, xã hội và lúc đó hậu quả văn hóa là không được tính đến. Sự xung đột này đã từng diễn ra trong thực tế với những chiến lược thôn tính và đồng hóa văn hóa ở các nước thuộc

địa của chủ nghĩa thực dân cũ mà một thời Việt Nam, Neyerere, Tanzania và nhiều nước trên thế giới bị cuốn vào. Trong hình thức này, sự xung đột ở đây diễn ra giữa âm mưu phủ định bản sắc (phản bản sắc) và một bên là bản sắc tộc người.

Trong những năm gần đây, khái niệm xung đột văn hóa được đề cập đến nhiều hơn với một nội hàm cụ thể: *xung đột tôn giáo*. Sự xung đột này diễn ra trên quy mô thế giới và cả ở các vùng miền mà đối tượng và phạm vi tranh chấp của nó là: tín đồ, biểu tượng thiêng và hơn thế nữa là địa bàn hoạt động. Điển hình là vụ xả súng bắn chết ba nhà báo Phương Tây của người Islam giáo ở Afghanistan vì cho rằng các nhà báo này đã có những lời nói và việc làm nhằm truyền bá Kitô giáo; hay vụ ám sát người phụ nữ được cả Ấn Độ kính nể chỉ vì bà là tín đồ Ấn Độ giáo có quyền lực nhất và đã sử dụng quyền lực đó để đàn áp phong trào “những con hổ giải phóng Tamil”. Vụ khủng bố ngày 11/9/2001 ở Mỹ cũng đã khiến một mục sư tuyên bố sẽ tổ chức một ngày đốt Kinh Qur'an và kêu gọi sự hưởng ứng của tất cả tín đồ Kitô giáo trên phạm vi toàn thế giới. Tất cả những biểu hiện ấy hoặc là nguyên nhân hoặc là hệ quả của xung đột tôn giáo.

Tình hình Tây Nguyên trong một số năm trở lại đây với sự xuất hiện của ngày một nhiều các tổ chức, Giáo hội Công giáo và các điểm nhóm Tin Lành đã gây ra nhiều biến động cả về mặt tư tưởng lẫn an ninh chính trị, cùng với đó là nhiều hệ lụy về kinh tế, văn hóa, xã hội và phát triển bền vững. Các biến động xã hội của những sự kiện năm 2001, 2004 có phải là xung đột tôn giáo hay không cũng cần được xem xét một cách cẩn trọng và khách quan nhất.

Ở bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích sự phát triển mạnh mẽ của đa dạng tôn giáo ở Tây Nguyên với tư cách là yếu tố nổi trội dẫn tới tình trạng xung đột với văn hóa truyền thống trên địa bàn Tây Nguyên những năm gần đây.

2. Tiền đề của hội nhập và xung đột văn hóa ở Tây Nguyên trong 10 năm trở lại đây

Chiến lược phát triển kinh tế Tây Nguyên trong 10 năm trở lại đây đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Tây Nguyên. Di cư tự do về Tây Nguyên trở thành vấn đề xã hội. Từ chỗ có 18 tộc người bản địa (chiếm 69,7% dân số toàn Tây Nguyên năm 1976) thì đến năm 2009 tỷ lệ này là 26,57% và đến nay chỉ còn 13%. Người bản địa đang trở thành thiểu số

trên chính mảnh đất của mình. Kết quả điều tra dân số ngày 01/4/2011 cho biết, dân số Tây Nguyên (gồm 5 tỉnh) là 5.278.679 người, chiếm 6% dân số cả nước. Đến nay, nếu tính cả số lượng dân di cư tự do không đăng ký thì dân số Tây Nguyên đã lên tới gần 6 triệu người. Chỉ tính riêng thời điểm năm 2005 - 2007, số người Hmông di cư vào Đắk Nông đã lên tới 10.000 người và đều là tín đồ Tin Lành. Sự gia tăng dân số cơ học nhanh chóng này đã khiến cơ cấu xã hội và thành phần tộc người ở Tây Nguyên hiện nay trở nên hết sức phức tạp.

Sự đan xen các loại hình văn hóa tộc người khiến văn hóa bản địa của các tộc người tại chỗ rơi vào nguy cơ bị thu hẹp, lấn át. Liên kết cộng đồng truyền thống bị phá vỡ do có sự đan xen cư trú và sự xâm lấn văn hóa của các tộc người thiểu số phía Bắc, đó là văn hóa Hmông, Kinh, Tày, Nùng, Thái... đã đem đến cho sắc thái tôn giáo, văn hóa của Tây Nguyên thêm khá nhiều sắc diện. Hiện nay, bên cạnh các tôn giáo truyền thống, Tây Nguyên đã có sự hiện diện của nhiều tôn giáo lớn khác như Công giáo, Tin Lành, Phật giáo và các hiện tượng tôn giáo mới. Hàng loạt các nghiên cứu về Tây Nguyên trong nhiều năm trở lại đây trên nhiều phương diện đã chỉ ra thực trạng của Tây Nguyên đó là “biến đổi không gian sinh tồn và sự đổ vỡ của kinh tế, văn hóa và xã hội truyền thống”, “biến đổi tâm thức tôn giáo truyền thống”³, đứt gãy truyền thống bản địa⁴ và đang có “xu hướng lai căng, biến dạng”⁵.

3. Những tác động của đa dạng tôn giáo đến quá trình hội nhập và xung đột văn hóa ở Tây Nguyên

Với đặc thù là khu vực còn giữ lại được khá nhiều hình thái tôn giáo nguyên thủy như: Hồn linh giáo, Đa thần giáo, ma thuật... trong hơn chục năm trở lại đây, bức tranh tôn giáo của Tây Nguyên càng trở nên sôi động với sự hội tụ của Công giáo, Tin Lành, Phật giáo, Islam giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, cùng các hiện tượng tôn giáo mới như Vàng Trú của người Hmông, Thìn Hùng của người Dao, Thanh Hải Vô thượng sư, Hà Mòn, v.v.. Điều đó cho thấy, Tây Nguyên hiện nay không chỉ là bức tranh nhiều màu sắc tộc người mà còn là bức tranh nhiều màu sắc về tôn giáo. Các loại hình tôn giáo này hiện đã và đang tồn tại xen kẽ do đặc thù sống đan xen của các tộc người bản địa và nhập cư.

Mỗi loại hình tôn giáo là một thiết chế xã hội, được khu biệt với những đặc trưng về biểu tượng thiêng, thực hành nghi lễ và cổ kết cộng đồng cùng niềm tin. Hiện nay, ở Tây Nguyên, sự đa dạng của các tôn

giáo đã mang đến sự đa dạng niềm tin, đa dạng biểu tượng thiêng và tất yếu là đa dạng các thực hành nghi lễ: vừa nhất thần (Công giáo, Tin Lành), vừa đa thần (tôn giáo bản địa), vừa có bậc giác ngộ (Phật), vừa có đấng cứu vớt (Chúa)... Các thực hành tôn giáo đa dạng hơn rất nhiều: vừa chạy đàn (Phật giáo), vừa làm lễ thánh thể (Công giáo), vừa đâm trâu (cúng Yang)... Sự phong phú về các biểu tượng thiêng và các thực hành nghi lễ cũng đồng nghĩa với sự “phân hóa niềm tin và tạo ra nhiều kết cấu cộng đồng nhỏ hơn” ở các cư dân Tây Nguyên hiện nay. Xét về mặt xã hội, đa dạng tôn giáo, đa dạng niềm tin tạo ra hệ lụy là sự phân rã cố kết cộng đồng, nhưng về mặt văn hóa lại tạo ra sự phong phú và đa dạng của các loại hình văn hóa. Các loại hình văn hóa này lại đan xen nhau trong cùng một môi trường cộng cư, thậm chí diễn ra trong cùng một nội bộ cộng đồng, tất yếu kéo theo sự hội nhập và cộng hưởng các thành tố văn hóa lẫn nhau. Để đánh giá sự hội nhập này, chúng tôi chỉ có thể đưa ra một số chỉ báo sau:

Thứ nhất, về mức độ hội nhập. Căn cứ vào nội hàm và bản chất khái niệm hội nhập, có thể nói, hội nhập văn hóa và tôn giáo ở Tây Nguyên là quá trình hội nhập mang tính thụ động nếu đứng về góc độ người dân bản địa. Bởi trên thực tế, họ không được, không có khả năng và không chủ động tiếp nhận những yếu tố mới và thanh lọc chúng để làm giàu thêm vốn bản địa. Quá trình bỏ hoàn toàn tôn giáo cũ để chuyển sang một thiết chế tôn giáo/ văn hóa mới của những bộ phận cư dân bản địa nơi đây vẫn còn nhiều bí ẩn và mâu thuẫn khi căn cứ vào tỷ lệ 22,9% cư dân bản địa đã theo Công giáo; 10,3% đã theo Tin Lành⁶. Hiện nay, con số này đã tăng nhanh chóng, theo thống kê chưa đầy đủ, trên địa bàn 4 tỉnh Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum) có tới 500.000 người, chiếm 26% dân số của tỉnh Đắk Lắk; 201.300 người, chiếm 38% dân số của Đắk Nông; 330.604 người của tỉnh Gia Lai và 29.101 người của tỉnh Kon Tum là tín đồ các tôn giáo lớn (Công giáo, Tin Lành, Phật giáo) và một số thuộc Cao Đài, trong đó có nhiều tộc người thiểu số tại chỗ, còn lại là người Hmông, Kinh và một số tộc người khác là dân di cư tự do thì mức độ hội nhập văn hóa trên địa bàn là khá sâu và đa dạng, đa chiều.

Sự đa dạng, đa chiều không chỉ thể hiện ở số lượng nhiều tôn giáo trên cùng một địa bàn, mà hoạt động truyền giáo vào Tây Nguyên còn theo nhiều kênh khác nhau: kênh từ các tổ chức truyền đạo chính thống tại chỗ

từ trước năm 1975; kênh từ các dân di cư tự do phía Bắc vào; kênh từ biên giới sang, thậm chí cả kênh từ các tổ chức nước ngoài về. Hiện trạng này khiến cho bức tranh tôn giáo ở Tây Nguyên trong khoảng 10 năm lại đây không kém phần phức tạp khi các tổ chức tôn giáo không chỉ khác nhau về niềm tin, thực hành nghi lễ, phương thức truyền đạo,... mà còn khác nhau về cả phong văn hóa, điều kiện kinh tế xã hội, tâm lý tộc người của các cộng đồng tín đồ. Người Kinh lên Tây nguyên mang theo tục thờ cúng tổ tiên, văn hóa Phật giáo, văn minh lúa nước và cả văn hóa kinh doanh buôn bán kiểu tiểu nông lẫn thói quen khai phá rừng trồng cây công nghiệp. Người Hmông đến Tây Nguyên mang theo văn hóa dòng họ, tập tính canh tác nương rẫy và cả văn hóa Tin Lành phía Bắc; Người Tày, Nùng đến Tây Nguyên mang theo Phi then, văn hóa bản làng và lối canh tác thung lũng,...

Các ứng xử khác nhau đó phần nào làm cho Tây Nguyên được khai thác một cách đa chiều, đa diện và cũng không kém phần tốc độ. Nhìn bên ngoài thì thấy sự thay đổi nhanh chóng, nhưng thực sự bên trong đang dung chứa nhiều mâu thuẫn. Từ những cộng đồng tộc người khép kín, chỉ biết đến các thần trong vô thức tâm linh, các cư dân bản địa Tây Nguyên đã biết đến những giáo lý, giáo luật của Phật giáo; biết đến các điều răn của Chúa, biết đến những nền văn hóa xa hơn từ Ấn Độ, Châu Âu,... Với xu hướng nhập thế, hiện đại hóa các phương thức hoằng pháp, các nhà tu hành, các chức sắc tôn giáo để mở rộng ảnh hưởng của mình cũng tích cực thâm nhập vào cộng đồng vùng sâu, vùng xa, hướng dẫn các tín đồ học cách cải tiến lao động, lựa chọn con giống, trồng cây công nghiệp phù hợp. Từ chỗ sống khép kín trong nội bộ làng các cư dân bản địa Tây Nguyên đã biết đến chùa, đến tịnh xá, đến nhà thờ để tiếp thu những bài giảng về kinh bản, tiếp nhận những kiến thức về văn hóa, xã hội thậm chí cả khoa học do các chức sắc rao giảng. Nhờ đó, các cư dân bản địa Tây Nguyên đã tích lũy thêm tri thức, thay đổi nhận thức, tư duy, mở rộng quan hệ và tăng vốn xã hội cũng như có cơ hội được giới thiệu bản sắc của tộc người mình ra bên ngoài⁷.

Tuy nhiên, do khuôn khổ văn hóa xuất phát từ một mô thức có trình độ phát triển thấp so với mặt bằng xã hội chung, nên nhận thức về kinh bản của tín đồ các tộc người thiểu số còn khá hạn chế. Việc cải đạo, bỏ đạo từ tôn giáo này sang tôn giáo khác cũng vẫn đang xảy ra ở Tây Nguyên không phải do nhận thức về giáo lý của các tôn giáo mà chủ

yếu là trông chờ vào các hoạt động từ thiện xã hội. Biến động tín đồ vẫn đang là thực trạng khó kiểm soát ở nơi đây. Bên cạnh đó, tình trạng không coi trọng các giá trị đạo lý, tâm linh tộc người, không tham gia các nghi lễ truyền thống là hiện tượng phổ biến ở các cư dân bản địa đã cải đạo. Hệ quả là, đi liền với sự gia tăng số lượng các tín đồ tôn giáo lớn trong cộng đồng tộc người bản địa là sự mất dần, thậm chí không còn dấu vết của các yếu tố văn hóa bản địa như sinh hoạt tại nhà Rông, văn hóa tâm linh đa thần, cấu trúc xã hội theo chế độ già làng,... Sự từ bỏ văn hóa gốc, đào thải ngày một rõ phương thức sống, tập quán canh tác cũ, chuyển đổi hoàn toàn đức tin và đối tượng thiêng cũng như các thực hành tôn giáo để tham gia vào một cộng đồng mới và tuân thủ các thiết chế của nó như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành,... cũng cho thấy khái niệm hội nhập tôn giáo, văn hóa ở Tây Nguyên là chưa đủ mà có lẽ phải sử dụng thêm khái niệm khác: “đứt gãy tôn giáo/ văn hóa truyền thống (đứng từ góc độ văn hóa bản địa)”. Sự đứt gãy này xảy ra trên nhiều phương diện, cụ thể:

Về diện mạo tôn giáo/văn hóa: Cái nổi bật dễ nhìn thấy nhất của Tây Nguyên trong những năm gần đây đó là sự hội tụ đa dạng của nhiều sắc diện văn hóa trên cùng một địa bàn, trong đó có cả văn hóa Ê đê, Mnông, Gia rai (đại diện cho văn hóa cao nguyên/ bình nguyên) và Kinh, Thái, Tày, Nùng, Hmông là những đại diện của văn hóa đồng bằng, thung lũng và núi cao phía Bắc⁸. Các thiết chế văn hóa mới của Công giáo, Phật giáo, Tin Lành đã thay thế các thiết chế văn hóa cũ: Nhà Rông được thay thế bằng nhà thờ, chùa; Thần khởi nguyên Yă Bok kei Đei được đồng nhất và thay thế bằng Chúa Jesus, các linh mục được coi như những Pojâu; các lễ hội truyền thống như đâm trâu, bỏ mả dần biến mất thay vào đó là những hồi chuông báo giờ nguyện tại nhà thờ hàng tuần, các lễ thức tạ ơn, Thiên Chúa giáng sinh đã đi vào đời sống hằng ngày của người dân. Thống kê cho biết hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Kon Tum đã có tới 85 cơ sở thờ tự của Công giáo và 43 cơ sở thờ tự của các điểm nhóm Tin Lành; tổng số giáo dân chiếm 343.813 tín đồ; 153 chùa thờ Phật và số lượng Phật tử đến nay là 158.214 tín đồ⁹. Các tôn giáo mới cũng xuất hiện khá nhiều và đang có những biểu hiện tranh giành tín đồ nhằm phát triển tôn giáo của mình.

Về tương tác tôn giáo/văn hóa và hiện thực: Người dân Tây Nguyên hiện nay ngoài các mối quan tâm như: làm giàu, tuân thủ pháp luật, phát

triển kinh tế thị trường với những sản phẩm cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, điều, chôm chôm, sầu riêng để phục vụ thị trường trong và ngoài nước thì về tôn giáo/văn hóa cơ bản quy tụ về 4 nhóm: 1) nhóm theo Phật giáo; 2) nhóm theo Kitô giáo (gồm cả Tin Lành & Công giáo); 3) nhóm theo các thần linh mới và 4) nhóm vẫn giữ theo các thần khởi nguyên truyền thống. Trong đó, nhóm theo các thần truyền thống và thần linh mới chiếm tỷ lệ khiêm tốn và cũng là nhóm đang gặp nhiều vấn đề nhất cả về vị thế kinh tế, xã hội và trình độ nhận thức, do đó, rất dễ bị lợi dụng, dồn ép và bị tổn thương trên nhiều phương diện: địa bàn cư trú, văn hóa, tâm linh, tinh thần và vị thế xã hội, không ngoại trừ có cả vấn đề tổn thương về tâm lý tộc người.

Thực trạng này cho thấy, vấn đề không chỉ là sự đứt gãy truyền thống bản địa của các tộc người tại chỗ mà khi bị mất đi văn hóa gốc, đồng nghĩa với việc mất đi một thực thể duy nhất có giá trị để phản kháng, tạo nên rào cản với đồng hóa văn hóa và thanh lọc với những yếu tố bên ngoài. Cùng với những tổn thất trên nhiều phương diện khác nếu không có những giải pháp kịp thời và cụ thể thì nguy cơ mai một văn hóa tộc người như trường hợp người Rục, Mã Liềng, Arem (Quảng Bình) có thể là tương lai khó tránh khỏi cho các tộc người bản địa ở Tây Nguyên.

Xét một cách công bằng, sự đứt gãy truyền thống văn hóa bản địa ở Tây Nguyên không chỉ do sự xuất hiện của các tôn giáo lớn, tôn giáo mới mà còn có sự tác động của kinh tế thị trường và các chính sách phát triển Tây Nguyên của nhà nước, địa phương. Khi tỷ lệ đến trường tăng lên, các phương tiện nghe nhìn bằng tiếng dân tộc phổ biến đã tạo ra những thay đổi cơ bản trong nhận thức. Sự bất lực của các thần linh bản địa trong việc xóa đói nghèo cũng khiến các tôn giáo truyền thống bị mất quyền năng trong đời sống của đồng bào. Mặt khác, không thể không thừa nhận các tôn giáo lớn cũng góp phần không nhỏ trong việc tạo lập một nếp sống mới tiến bộ và phù hợp với nhiều tiêu chí của xã hội hiện đại như: lối sống vệ sinh, sạch sẽ, khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, v.v.. Hoạt động từ thiện mạnh mẽ của các tổ chức tôn giáo cũng góp phần làm cho cuộc sống của người nghèo thiếu số tại chỗ bớt khó khăn hơn. Tuy nhiên, trong thời gian đầu của sự hội nhập thì các biểu hiện của “dị ứng văn hóa” do sự cứng rắn mang tính định chế của các quy định mới và những nội dung tín điều buộc phải tuân phục trong các giáo lý Công giáo, Tin

Lành cũng để lại nhiều hệ lụy cần nhanh chóng điều chỉnh trước khi nó trở thành rào cản trong củng cố khối đoàn kết cộng đồng các tộc người ở Tây Nguyên.

4. Những hệ lụy cơ bản về xã hội, văn hóa và ứng xử

Hiện tượng tận dụng mọi cơ hội để tranh thủ tín đồ và phô trương ưu thế của các tôn giáo lớn ở Tây Nguyên hiện nay tuy không chiếm quy mô lớn, nhưng vẫn duy trì ở quy mô nhỏ giữa các cá nhân trong nội bộ cộng đồng gia đình, hoặc làng bản với nhau, mà chủ yếu là giữa những người cải đạo và người không cải đạo. Vấn đề mâu thuẫn cũng chỉ xoay quanh việc thực hành và không thực hành những nghi lễ tôn giáo giữa những người còn giữ tôn giáo truyền thống và những người theo Tin Lành hoặc Công giáo. Khi tiến hành những nghi thức như tang ma, cưới hỏi vẫn xảy ra những xung đột về quan điểm hành xử, cách thức tổ chức. Điều này vẫn diễn ra hàng ngày và cũng gây khá nhiều bức xúc trong các quan hệ giao tiếp ứng xử trong nội bộ cộng đồng, dẫn đến việc bỏ làng cũ đi lập làng mới. Việc chia con cái cháu chắt giữa các bậc làm cha mẹ đã gây mất đoàn kết trong nội bộ thành viên của các gia đình, dòng họ và lớn hơn nữa là làm phá vỡ cấu trúc cộng đồng truyền thống đã từng diễn ra ở Tây Nguyên.

Vai trò, uy tín của già làng, trưởng bản, trưởng thôn buôn và hệ thống chính trị ở cơ sở giảm dần trong tín đồ. Thay thế vào đó là vai trò của các thủ lĩnh tôn giáo ngày càng được củng cố và tăng lên trong vùng đồng bào dân tộc tại chỗ. Kết quả khảo sát vào tháng 6/2013 của Viện Nghiên cứu Tôn giáo cho biết, khi có vấn đề trong cuộc sống thì 73,7% tín đồ Công giáo, 86,7% tín đồ Tin Lành, 62,4% Phật tử tìm đến sự trợ giúp của các chức sắc tôn giáo¹⁰.

Điều này cho thấy sự trông đợi của tín đồ vào các chức sắc là khá cao, đồng thời phản ánh phần nào vai trò mờ nhạt của các tổ chức, đoàn thể và chính quyền địa phương đối với tín đồ tôn giáo. Có nơi các chức sắc tôn giáo còn tỏ ra “lấn lướt” chính quyền và có nhiều hành vi can thiệp chi phối vào các công việc nhà nước như tổ chức vận động tín đồ tham gia bầu cử cán bộ cấp xã theo ý đồ riêng. Sự lớn mạnh trên diện rộng về tổ chức và lượng tín đồ (nhất là Tin Lành) với nhiều hệ phái đã được công nhận và chưa được công nhận, lại chịu chi phối từ bên ngoài cũng đang trở thành vấn đề trong quan hệ ứng xử giữa chính quyền địa phương và các hệ phái Tin Lành nhất là trong việc giải quyết những vấn đề nhập cư,

cư trú và các quyền cư trú liên quan đến đất đai chưa có tiền lệ.

5. Tái cấu trúc văn hóa truyền thống ở Tây Nguyên & vai trò của các chức sắc tôn giáo.

Sự đổ vỡ cấu trúc văn hóa bản địa của Tây Nguyên những năm 1980 - 1990 đã khiến cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa ở Tây Nguyên được chú ý hơn, nhất là từ sau Nghị quyết TW 5 (Khóa VIII). Tuy nhiên, với chủ trương “bảo tồn có lựa chọn” thì chỉ có một vài thực hành văn hóa được chọn lựa để khôi phục và khuyến khích bảo tồn như sinh hoạt văn hóa Cồng chiêng, nhưng việc khôi phục không phải theo mô thức khôi phục lại môi trường diễn xướng, mà là sân khấu hóa văn hóa, tức là tổ chức các hội diễn văn nghệ dân gian rồi mời các đoàn tới dự thi có thưởng. Các hình thức này mới chỉ đạt được duy nhất một mục tiêu là dàn dựng lại văn hóa truyền thống trong môi trường sân khấu, nhưng để văn hóa gốc thực sự sống lại trong đời sống cộng đồng thì lại cần phải hết sức lưu tâm tới vấn đề tổ chức và lộ trình thực hiện. Thực hành nghi lễ của đồng bào Tây Nguyên thực chất cũng là các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, vì thế nếu chỉ chú ý mặt văn hóa phong trào thì mới đạt được hình thức còn thực hành nghi lễ lại chính là hạt nhân. Đối với thực hành nghi lễ tôn giáo thì môi trường diễn xướng tâm linh lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó không chỉ hàm chứa ý nghĩa biểu tượng mà còn gắn với mối quan hệ xuyên thời gian giữa không gian thiêng của tự nhiên và con người thực hành các tế tự. Vì vậy, khi phục hồi dưới dạng sân khấu, liên hoan... của nhà nước đã làm mất đi chức năng xã hội cơ bản của các nghi lễ đánh cồng chiêng và biến nó đơn thuần chỉ là biểu diễn âm nhạc bằng các khí cụ âm nhạc cổ. Việc sân khấu hóa cũng làm biến mất môi trường truyền dạy giữa các thế hệ, làm mất đi tính thực hành tự nhiên và phi thể chế, khác với truyền thống là mọi cá nhân dù là nam hay nữ, trẻ hay già, giàu hay nghèo đều có cơ hội học đánh chiêng cồng miễn phí trong một môi trường tốt nhất. Điều này cho thấy, sự đổ vỡ cấu trúc văn hóa truyền thống ở Tây Nguyên là hậu quả của nhiều yếu tố, còn sự tác động của các tôn giáo cũng chỉ là một trong những nguyên nhân.

Không phủ nhận khi xuất hiện các động thái, chủ trương tái cấu trúc lại các văn hóa truyền thống ở người Việt (Kinh) không theo Tin Lành hay Công giáo thì gần như đạt được một số thành công khá viên mãn, thể hiện ở chỗ đình đền, chùa, phủ được trùng tu, tôn tạo và xây dựng lại hàng loạt; các lễ hội truyền thống cũng được khôi phục, các hoạt động văn hóa, lễ thức dân

gian... đều được phục hồi và tái xuất hiện khá rầm rộ. Thậm chí nhiều lúc, nhiều nơi còn trở nên thái quá mà hiện tượng lên đồng hầu bóng, tâm linh dân gian, hay lễ hội là những ví dụ. Đi kèm với hiện tượng đó là tình trạng đi lễ chùa, đình đền trong các ngày tư rằm, lễ tiết cũng trở thành thói quen trong đời sống tinh thần của người Việt.

Tuy nhiên, cũng chủ trương này mà áp vào khu vực Tây Nguyên, hay các vùng mà đồng bào đã cải bỏ niềm tin truyền thống để theo Công giáo hay Tin Lành thì việc tái cấu trúc hay phục hồi văn hóa truyền thống gặp nhiều rào cản và vì thế khó khăn hơn nhiều. Vấn đề không chỉ ở các giới luật hay điều răn của các tôn giáo này không khuyến khích mà còn ở việc dẫn dắt tín đồ của các chức sắc tôn giáo và nhận thức của bản thân người tín đồ đã thay đổi trong quá trình cải bỏ đạo cũ. Trong khi nhiều yếu tố văn hóa truyền thống của đồng bào Tây Nguyên còn khá nhiều khô và gây ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống sinh hoạt, đời sống kinh tế của tộc người, thì việc thay đổi nhận thức cho người dân từ hiệu ứng tiếp cận với thông tin đa chiều cũng đóng góp lớn vào chuyển đổi nhận thức của người dân, nên việc tự lựa chọn một lối sống thích hợp cũng là vấn đề của cá nhân và hiệu ứng cộng đồng. Mặt khác, nhiều cơ chế chính sách kinh tế xã hội dành cho Tây Nguyên vô tình đã khiến người dân bản địa tại chỗ trở thành đối tượng bị loại trừ xã hội cũng đóng vai trò trực tiếp là rào cản cho việc chọn lựa phục hồi giá trị cũ. Ví dụ, giao đất rừng về các doanh nghiệp, nông trường quốc doanh thì người dân bản địa không còn nguồn gỗ để làm nhà dài hay nhà rông. Công chiêng được công nhận là di sản văn hóa nhưng hoạt động truyền dạy lại đứt gãy trong môi trường cộng đồng thì việc tái cấu trúc cũng chỉ là những màn trình diễn mà thôi. Chưa kể về nhận thức và đặc tính tâm lý tộc người giữa Kinh và Thượng là một khoảng cách khá xa, việc tiếp thu văn hóa Việt đang là một xu hướng chính của những chủ nhân bản địa trẻ ở Tây Nguyên.

Một thực tế khác mà Tây Nguyên phải đối mặt là với bất cứ tộc người nào, khi trình độ phát triển thấp, các giá trị và bản sắc văn hóa dân tộc không được phát huy hiệu quả sẽ dẫn tới việc giảm khả năng “đề kháng” về văn hóa trước sự xâm thực, thậm chí xâm lăng về văn hóa từ bên ngoài trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay. Điều đó cũng có nghĩa, khi nội lực cả về kinh tế, xã hội và văn hóa không đủ mạnh thì càng khó nói đến hội nhập quốc tế và khu vực tốt, khó có thể tiếp nhận và “bản địa hóa” các thành tố văn hóa mới một cách tốt nhất. Bài toán đặt ra là, hòa

nhập chứ không hòa tan đang đặt ra cho Tây Nguyên một thách thức làm thế nào để tái kết cấu văn hóa truyền thống khi trên thực tế gần như đã hoàn toàn đứt gãy? Thực tế này khẳng định không thể nào tái lập lại nền văn hóa đã mất mà chỉ có thể chọn lựa những yếu tố văn hóa đơn lẻ đã mất hoặc đang có nguy cơ biến mất để cấu trúc lại và đưa ra định hướng bảo tồn. Điều này đặt ra vấn đề đòi hỏi phải xác định được những thành tố hay yếu tố văn hóa nào cần được chăm sóc lưu truyền và bảo vệ, để từ đó có những chiến lược cho việc bảo tồn. Tuy nhiên, bảo tồn các yếu tố, thành tố văn hóa đơn lẻ trong cả cộng đồng đã chuyển đổi đức tin là việc làm khá khó khăn, đòi hỏi phải có sự chỉ đạo thống nhất và có chủ trương nhất quán với các chức sắc tôn giáo để tạo nên sự đồng thuận, tránh gây xung đột giữa chủ trương của nhà nước và chức sắc tôn giáo, trong khi người dân chỉ là nạn nhân.

Tình trạng chuyển đổi niềm tin theo Công giáo, Tin Lành hay Phật giáo của người dân Tây Nguyên dù khá phổ biến nhưng chưa phải là toàn bộ cộng đồng người dân bản địa hay người dân di cư tới đây. Do vậy, việc chỉ ra khuôn khổ bảo tồn văn hóa tộc người, thậm chí nhóm tộc người phải được coi là chiến lược trong phát triển văn hóa của Tây Nguyên ngay trong thời gian này. Khi đó, vấn đề đặt ra là những thành tố văn hóa cổ truyền nào của các dân tộc Tây Nguyên cần phải giữ gìn và phát huy trong đời sống xã hội hôm nay? Xuất phát từ quan điểm cái gì có giá trị và tự nó đã, đang thực hiện chức năng xã hội tích cực sẽ tồn tại và những gì là rào cản rồi cũng sẽ phai nhạt, thậm chí bị loại bỏ. Rút kinh nghiệm từ các loại hình bảo tồn kiểu bảo tàng hóa thì văn hóa truyền thống Tây Nguyên cần phải làm ngay là xúc tiến nghiên cứu và chọn lựa những thành tố văn hóa bản địa có giá trị để phổ biến nâng tầm, tạo ra tiền đề, điều kiện để các giá trị đó biến thành điều kiện sống, phương thức sinh kế cho chính người dân bản địa nơi đây, đó mới chính là phương cách tốt nhất để bảo tồn văn hóa và tộc người mà mô hình người Thái làm du lịch cộng đồng đang phát huy rất tốt bản sắc văn hóa Thái và nâng cao được mức sống cho người Thái.

Mặt khác, sự rút vào sâu của các tộc người bản địa không theo Tin Lành hay Công giáo cũng là cách đề kháng văn hóa. Do vậy, thay vì để các tổ chức tôn giáo có thể tiếp tục xâm nhập và dẫn dắt đồng bào như hiện nay các địa phương nên có kế hoạch tái lập lại làng văn hóa truyền thống nguyên bản với những đặc trưng như nhà rông, nhà dài, văn hóa

công chiêng từ khâu chế tác, truyền dạy đến biểu diễn. Đặc biệt, phải tái tạo lại sinh thái đặc thù là rừng cho người bản địa. Khi sinh kế được bảo đảm bởi chính văn hóa gốc của mình thì chính các chủ thể sẽ tự tạo ra đề kháng văn hóa mà người Thái ở Mai Châu, Yên Bái là những ví dụ.

Một trong những thành tố văn hóa có giá trị khác trong xã hội hiện đại của người bản địa tại chỗ ở Tây Nguyên hiện nay là các tri thức bản địa trong việc khai thác và sử dụng dược liệu. Nghiên cứu về “Tiềm năng cây thuốc Tây Nguyên hiện trạng và giải pháp” đã chỉ ra trữ lượng dược liệu và nguy cơ biến mất của các dược liệu quý chỉ có trên đất Tây Nguyên cho phép các địa phương lập quy hoạch giao đất rừng và khai thác dược liệu cho đồng bào dân tộc tại chỗ theo phương thức chu kỳ sinh học chính là những bước đi như vậy.

Những tri thức bản địa và kinh nghiệm trong dệt may, nhuộm màu của đồng bào các dân tộc tại chỗ cũng là những di sản văn hóa mang tính đặc thù cần được bảo tồn và tái phục hồi lại trong đời sống hiện đại để phục vụ du lịch văn hóa vùng. Đặc biệt, một số “công nghệ dân gian” trong chế biến chất nhuộm màu và chất dịch chiết từ thực vật phục vụ công nghệ làm đẹp của phụ nữ Mnông cũng là những sản phẩm có thể trở thành nguồn cung cấp dược liệu quý hiếm cho công nghệ làm đẹp và góp phần cải tạo sinh kế cho đồng bào tại chỗ.

Vai trò của các tổ chức tôn giáo với việc tái kết cấu văn hóa truyền thống: Sử dụng các tổ chức tôn giáo trong việc tái kết cấu văn hóa cổ truyền là vấn đề mới cần hết sức chú ý ở Tây Nguyên, mặc dù trên thế giới cũng đã có. Xuất phát từ cách nhìn đa chiều về tôn giáo, thừa nhận sự đa dạng văn hóa và đức tin, đặc biệt là phát huy hết chức năng xã hội của tôn giáo, nhiều chính thể ở các nước Châu Âu đã huy động được tối đa sự hỗ trợ của các tổ chức tôn giáo trong một số lĩnh vực xã hội như an sinh xã hội, y tế, giáo dục. Với đặc tính là những người có vai trò hết sức quan trọng đời sống tinh thần của đồng bào và có vị thế xã hội trong cộng đồng đức tin, vì thế nếu các chức sắc tôn giáo kết hợp được với chính quyền địa phương sẽ tạo hiệu ứng rất nhanh. Lý do rất đơn giản là *niềm tin vào các chức sắc tôn giáo là niềm tin mang tính tôn giáo*. Với tín đồ, họ là những thể lực thay mặt đáng thiêng liêng để ban phước cho dân. Niềm tin tôn giáo khác hoàn toàn với *niềm tin thế tục*, tức niềm tin vào thể chế hay đội ngũ cán bộ chính quyền địa phương. Niềm tin tôn giáo vững bền và có tính dẫn dắt, tuân phục. Vì thế, khi một cá nhân,

cộng đồng tin vào Chúa, Thần, Phật, họ sẽ tin rằng Chúa, Thần, Phật sẽ trừng phạt nếu cá nhân đó làm trái lời răn dạy. Vì thế, mặc dù Chúa, Thần, Phật không hiện diện nhưng khi cá nhân đó làm trái lời răn, họ sợ hãi và phải xưng tội hay điều chỉnh hành vi. Từ điểm này cho thấy, nếu người quản lý xã hội không biết tận dụng vai trò của các chức sắc tôn giáo thì rất khó tạo ra sự đồng thuận trong việc thực thi các chính sách phát triển.

Như vậy, các tổ chức tôn giáo mà cụ thể là các chức sắc tôn giáo có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng thái độ, hành động ứng xử của tín đồ đối với các chính sách của nhà nước. Do đó, để đảm bảo tái kết cấu văn hóa truyền thống (cho dù có chọn lọc) thành công thì ngoài việc điều chỉnh phương thức “bảo tồn văn hóa truyền thống theo hướng lấy người dân làm trọng” thì việc thay đổi nhận thức, nâng cao tri thức chuyên môn về tôn giáo của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo; điều chỉnh thái độ ứng xử đối với lực lượng chức sắc là việc không thể chậm trễ.

Chấp nhận đa dạng đức tin cũng là đa dạng văn hóa. Dân sự hóa các hoạt động tôn giáo vì phạm trên cơ sở hiến pháp, pháp luật; hạn chế hình sự, chính trị hóa các hoạt động tôn giáo; đảm bảo tự do tôn giáo một cách thực sự trong đời sống hằng ngày sẽ tạo ra tiền lệ tốt cho quan hệ nhà nước - giáo hội. Vai trò của già làng trưởng bản và các Mo (họ cũng là những trí thức tộc người) phải được xác định và thừa nhận. Nhà nước cần phải có cơ chế thừa nhận và khuyến khích các trí thức tộc người, bởi muốn tái kết cấu văn hóa truyền thống tộc người thì vai trò của trí thức tộc người là hạt nhân quan trọng. Việc điều chỉnh thực sự quan hệ giữa chính quyền địa phương với chức sắc tôn giáo, trí thức tộc người sẽ tác động đến tư duy của các chức sắc. Khi đó sẽ phát huy được hiệu quả những truyền dạy của tổ chức tôn giáo đối với tín đồ trong vấn đề bảo tồn và phát huy các dạng thức văn hóa truyền thống./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Chí Tinh (1996), *Xung đột văn hóa và đấu tranh văn hóa*, Nxb.Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 463.
- 2 Nguyễn Chí Tinh, sđd: 465.
- 3 Phạm Quỳnh Phương (2014), “Sự biến đổi tâm thức tôn giáo truyền thống của người Tây Nguyên hiện nay”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
- 4 Tham luận hội thảo: *Tôn giáo với phát triển bền vững Tây Nguyên - Quan điểm và giải pháp*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội, tháng 8/2014.

- 5 Trần Văn Bính (2006), *Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
- 6 Số liệu của đề tài KX 05- 04 (điều tra năm 2000).
- 7 Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kon Tum đã thành lập đoàn công chiêng của người dân tộc thiểu số tại chỗ và đưa đi biểu diễn vào các dịp đại lễ do Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức: Đại lễ Vesak 2008, kỷ niệm 700 năm Phật Hoàng Trần Nhân Tông.
- 8 Các phỏng vấn sâu cho biết rất nhiều người Hmông, Tày, Nùng di cư lên Tây Nguyên là các tín đồ Tin Lành.
- 9 Nguồn: Ban Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk và Kon Tum. Tính đến tháng 3/2014.
- 10 Số liệu điều tra của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tháng 6-7/2013.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Bính (chủ biên, 2006), *Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
2. Trần Xuân Dung (2010), *Một số vấn đề về tôn giáo & đấu tranh chống hoạt động lợi dụng tôn giáo ở Tây Nguyên*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.
3. Hội thảo quốc tế: *Tôn giáo và đời sống tôn giáo ở Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm của Châu Âu và Việt Nam trong việc đảm bảo tự do tín ngưỡng và tôn giáo*, tháng 12/ 2014.
4. Bùi Thị Bích Lan, *Biến đổi văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên dưới tác động của điều kiện bên ngoài và vấn đề bảo tồn phát huy*, Chuyên đề khoa học.
5. Nguyễn Ngọc Mai (2013), *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Nam (2008), “Ảnh hưởng của đạo Tin Lành với thiết chế xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4.
7. Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Ban chỉ đạo Tây Nguyên (2013), *Biến đổi tôn giáo ở Tây Nguyên, thực trạng chính sách và giải pháp*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Buôn Ma Thuột.
8. Tư liệu điều tra khảo sát 5 tỉnh Tây Nguyên của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tháng 6-7/2013.
9. Trung tâm KHXH và Nhân văn Quốc gia (2002), *Một số vấn đề phát triển KT-XH buôn làng các dân tộc Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Vũ Hoàng Toàn (2008), *Đạo Tin Lành trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Triết học.
11. Nhiều tác giả (2003), *Tây Nguyên ngày nay*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Nguyễn Chí Tình (1996), *Xung đột văn hóa & đấu tranh văn hóa*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

13. Chương trình Tây Nguyên 3 (2014), *Tuyển tập báo cáo hội nghị sơ kết giữa kỳ Chương trình Tây Nguyên 3*, Hà Nội.
14. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2014), *Tôn giáo với phát triển bền vững Tây Nguyên, quan điểm và giải pháp*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

Abstract

THE IMPACTS OF RELIGIOUS DIVERSITY ON TRANSFORMATION AND RESTRUCTURING THE TRADITIONAL CULTURE IN THE CENTRAL HIGHLAND

In recent years, the emergence and expansion of many large religions in the Vietnam Central Highland have created the transformation and disorder in social, economic and cultural life of the ethnic minorities. For the some reason, the author analyses the impacts of religious diversity on the aspects of population, indigenous culture and the role of religious dignitaries in restructuring traditional culture in the Central Highland.

Keywords: Integration, conflict, restructuring, traditional culture, Central Highland.